

KẾT QUẢ THI PHÒNG THI 1204

STT	Mã học sinh	Họ và tên	SBD	Điểm thi						Ghi chú
				Lịch sử	Toán	Địa lí	Tiếng Anh	Ngữ Văn	Sinh học	
1	51671346	Dương Quỳnh Phương Anh	124004	5,25	8,5	9,25	8,6	7	7,8	12A3
2	51670119	Lê Thị Phương Anh	124012	4,25	4,75	5,25	4	6,5	7,3	12A5
3	51671163	Nguyễn Thế Anh b	124020	3,5	3,75	9,5	6	6,5	8,5	12A8
4	51663060	Trần Ngọc Anh	124028	8,25	5,75	9,75	9	7,5	8,3	12A2
5	51669643	Phan Thanh Bình	124036	7,5	6,5	9,25	8	6	7,5	12A4
6	51670151	Đỗ Đức Chính	124044	8,75	5,5	8,75	7,5	7	9,3	12A5
7	51670475	Bùi Trung Dũng	124052	7	5	8	7,3	7	8,5	12A6
8	51670141	Vũ Đức Duy	124060	8,25	4,5	9	7	7	8,8	12A5
9	51670144	Đinh Quang Đạt	124068	7,75	5	9,25	7,5	6,5	6,8	12A5
10	51671180	Trương Tuấn Đạt	124076	7,25	4,75	9,5	8,3	6,5	7,8	12A8
11	51670145	Đoàn Minh Đức	124084	6,5	6	9	7	7	6,8	12A5
12	51669329	Dương Thị Bích Hằng	124092	7,25	8,25	9,5	8,5	7	8,5	12A3
13	51663089	Đặng Trần Minh Hiếu	124100	7,75	9,25	10	9	6	10	12A2
14	51669364	Đào Lâm Hoàng	124108	8,5	6,75	9,75	9	6,5	9	12A3
15	51670122	Lương Xuân Hùng	124116	7,75	5,25	9,75	7,5	7	7,8	12A5
16	51669635	Nguyễn Ngọc Trường Huy	124124	8	7,5	9	8,8	6,5	9	12A4
17	51670515	Vũ Tiến Huy	124132	7,5	4,75	9,5	7,3	6,5	7,8	12A6
18	51671662	Phạm Tuấn Hưng	124140	6,5	3,75	8,5	6,2	7	7,8	12A5
19	51650013	Nguyễn Bích Hương	124148	7,75	6,5	9,75	7,5	7	7,5	12A1
20	51670928	Chu Thành Kiên	124156	7,5	7,75	9,5	6,5	6,5	8,8	12A7
21	51671156	Lý Triệu Vũng Lịch	124164	9	4,75	9,75	7,3	7	8,5	12A8
22	51648465	Nguyễn Hoàng Linh	124172	9,25	8,25	9	8	7,5	9,3	12A1
23	51663059	Trần Khánh Linh	124180	7,5	5,25	9	7,5	7,5	8	12A2
24	51669636	Nguyễn Phạm Hải Long	124188	6,75	8	9,5	7	7	7,8	12A4
25	51648763	Nguyễn Thị Xuân Mai	124196	9,25	7,5	9,75	9	8	9,3	12A1
26	51669344	Nguyễn Trà My	124204	9,25	8	8,75	8,3	7,5	6	12A3
27	51662541	Nguyễn Minh Ngọc	124212	9,25	7,5	9,75	9	7	9,8	12A2
28	51662549	Nguyễn Thị Yến Nhi	124220	6,5	7,25	8,5	2,6	6,5	7,8	12A2
29	51669630	Lương Thị Kim Oanh	124228	6,75	6,5	8,75	9	6,5	7,5	12A4
30	51669348	Nguyễn Đức Phúc	124236	8,5	6,25	8,25	8,4	6,5	7,8	12A3
31	51650349	Phạm Thị Hà Phương	124244	8,5	7	9,25	9,5	7	8,5	12A1
32	51650018	Nguyễn Thị Như Quỳnh	124252	9	8,25	9,75	9	7,5	10	12A1
33	51670507	Trần Công Sơn	124260	8,25	8	9,75	7,2	7	9,3	12A6
34	51671155	Lý Thị Phương Thảo	124268	6,5	5,25	9,75	7,2	6,5	10	12A8
35	51669350	Phạm Hữu Thắng	124276	6,25	7,5	9,75	7,7	6	8,3	12A3
36	51670115	Hà Thị Thúy	124284	8	6,25	9	7	7,5	9,8	12A5
37	51671145	Bùi Thị Huyền Trang	124292	8,5	6,5	9,75	8	7,5	7,5	12A8
38	51669351	Phạm Phương Trang	124300	7,25	5,5	8,5	7,9	7,5	8,5	12A3
39	51670944	Nguyễn Đặng Quốc Triệu	124308	9,5	8,25	9,75	8,3	6,5	9	12A7
40	51650020	Nguyễn Văn Tú	124316	9,25	8,5	9,75	9,5	6,5	8	12A1
41	51671174	Trương Thảo Uyên	124324	9,25	7,25	8,75	9	7	8,3	12A8
42	51670493	Nguyễn Minh Xuân	124332	6,5	4,25	9,5	7,1	5,5	5,8	12A6

tô sai mã đề môn Toán

tô sai mã đề Toán